

Họ và tên:Lớp: Số báo danh:

A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng: (4 điểm)

- Giáo viên kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh.
- Nội dung kiểm tra: Các bài đã học từ tuần 19 đến hết tuần 34, giáo viên ghi tên bài, số trang vào phiếu, gọi học sinh lên bắt thăm và đọc thành tiếng. Mỗi học sinh đọc một đoạn văn, thơ khoảng 60 tiếng/phút (trong bài bắt thăm được) sau đó trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu.

2. Đọc hiểu và làm bài tập: (6 điểm) - Thời gian 20 phút

Chú sẻ và bông hoa bằng lăng

Ở gần tổ của một chú sẻ non đang tập bay có một cây bằng lăng. Mùa hoa này, bằng lăng nở hoa mà không vui vì bé Thơ, bạn của cây, phải nằm viện. Sẻ non biết bằng lăng đã giữ lại một bông hoa cuối cùng để đợi bé Thơ.

Sáng hôm ấy, bé Thơ về, bông bằng lăng cuối cùng đã nở. Nhưng bông hoa lại nở cao hơn cửa sổ nên bé không nhìn thấy nó. Bé cứ ngỡ là mùa hoa đã qua.

Sẻ non rất yêu bằng lăng và bé Thơ. Nó muốn giúp bông hoa. Nó chấp cánh, bay vù về phía cành bằng lăng mảnh mai. Nó nhìn kĩ cành hoa rồi đáp xuống. Cành hoa chao qua, chao lại. Sẻ non cố đứng vững. Thế là bông hoa chúc hẳn xuống, lọt vào khuôn cửa sổ.

Lập tức, sẻ nghe thấy tiếng reo từ trong gian phòng tràn ngập ánh nắng:

- Ôi, đẹp quá! Sao lại có bông bằng lăng nở muộn thế kia?

Theo Phạm Hồ

Đọc thầm bài văn trên rồi ghi lại chữ cái trước ý trả lời đúng hoặc trả lời câu hỏi:

Câu 1: (0,5 điểm) Bằng lăng đã giữ lại cái gì để đợi bé Thơ?

- A. một chiếc lá cuối cùng
- B. một chiếc bánh
- C. một bông hoa cuối cùng
- D. cái tổ của chim sẻ

Câu 2: (0,5 điểm) Vì sao khi bông hoa bằng lăng cuối cùng nở, bé Thơ vẫn không nhìn thấy và nghĩ rằng mùa hoa đã qua?

- A. Vì hoa chóng tàn quá bé Thơ chưa kịp ngắm.
- B. Vì bông hoa nở cao hơn cửa sổ nên bé không nhìn thấy.
- C. Vì bé Thơ mệt không chú ý đến hoa.
- D. Vì hoa nở không đẹp như mùa hoa trước

Câu 3 (1 điểm) Sẻ non đã làm gì để giúp bằng lăng và bé Thơ?

- A. Sẻ non hót vang để bé Thơ thức dậy ngắm hoa bằng lăng.
- B. Sẻ non hái bông hoa bằng lăng bay vào buồng tặng bé Thơ.
- C. Sẻ non đậu vào cành hoa bằng lăng làm cho nó chúc xuống để bông hoa lọt vào khung cửa sổ.
- D. Chim sẻ bay vào buồng hỏi thăm bé Thơ.

Câu 4: (1 điểm) Em có suy nghĩ gì về sẻ non?

Câu 5: (1 điểm) Các từ có nghĩa giống với từ “vui” là:

- A. vui vẻ, vui sướng, phấn khởi
- B. vui vẻ, buồn, phấn khích
- C. phấn khởi, chán nản, vui sướng
- D. vui vẻ, vui sướng, buồn bã

Câu 6: (1 điểm) Câu: “*Nó chấp cánh, bay vù về phía cành bằng lăng mảnh mai.*” thuộc kiểu câu gì?

- A. Câu hỏi
- B. Câu kể
- C. Câu khiến
- D. Câu cảm

Câu 7: (1 điểm) Em đặt một câu nói về bông hoa bằng lăng có sử dụng biện pháp so sánh?

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

1. Viết: (4 điểm - Thời gian: 15 phút)

Nghe - viết bài: “*Nhà rông*” đoạn: “*Kiến trúc bên trong từng chứng kiến.*” (Sách Tiếng Việt 3/ Tập 2 – Trang 95)

3. Viết đoạn: (6 điểm - Thời gian: 35 phút)

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn (6 - 8 câu) kể về ước mơ của em.

Ma trận nội dung kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 3
Cuối học kì I năm học 2023 – 2024

A. MẠCH KIẾN THỨC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

Tên nội dung, các mạch kiến thức		CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
		Mức 1 (Nhận biết)	Mức 2 (Thông hiểu)	Mức 3 (Vận dụng)
Kiểm tra đọc	Đọc thành tiếng và TLCH	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, văn bản thông tin ngắn - Trả lời được câu hỏi liên quan đến bài đọc ở mức độ đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, văn bản thông tin ngắn tốc độ đảm bảo 70 – 80 tiếng/ phút. Biết nghỉ hơi chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ - Trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc ở mức 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trôi chảy, ngắt nghỉ hợp lí các văn bản ngoài bài, đảm bảo tốc độ 70 – 80 tiếng/phút. Biết đọc thể hiện lời thoại nhân vật và diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ. - Trả lời trôi chảy câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc và ý nghĩa của bài đọc.
	Đọc hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thầm và bước đầu nhận biết được các hình ảnh, nhân vật, chi tiết có ý nghĩa trong văn bản. - Nhận biết từ ngữ thuộc các chủ đề đã học. - Nhận biết được từ chỉ sự vật, từ chỉ đặc điểm, từ chỉ hoạt động. - Nhận biết được câu chỉ sự vật, hoạt động, câu nêu hoạt động, đặc điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nội dung văn bản và trả lời một số câu hỏi liên quan đến nội dung văn bản - Tìm được các từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; - Tìm được từ trái nghĩa trong văn cảnh. - Biết viết các câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm. - Nêu được công dụng các kiểu câu: Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được bài học rút ra từ văn bản. - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích vì sao. - Đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh trong tình huống thực tiễn. - Biết cách đặt câu có sử dụng dấu chấm, dấu hai chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than. - Sử dụng các từ trái nghĩa trong văn cảnh. - MRVT thuộc các chủ điểm đã học.

		- Nhận biết được đặc điểm các kiểu: Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.	- Nêu được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ so sánh. - Nêu được công dụng dấu chấm, dấu hai chấm.	
Kiểm tra viết	Nghe - viết	Nghe – viết đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 65 - 70 chữ, trong 15 phút.	- Viết đúng chính tả, trình bày sạch sẽ, đúng cỡ chữ, sai không quá 3 lỗi.	- Viết đúng chính tả, viết sạch sẽ. Đảm bảo tốc độ viết.
	Viết đoạn văn	Viết đoạn văn từ 6 – 8 câu theo chủ đề đã học.		

B. MA TRẬN CÂU HỎI ĐỀ KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Đọc hiểu văn bản	Số câu	2		1			1	3	1
		Câu số	1,2		3			4		
		Số điểm	1		1			1	2	1
2	Kiến thức Tiếng Việt	Số câu	1		1			1	2	1
		Câu số	5		6			1		
		Số điểm	1		1			1	2	1
Tổng số câu			3		2			2	5	2
Tổng số điểm			2		2			2	4	2

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Tiếng Việt - Lớp 3 - Năm học 2023 – 2024

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (4 điểm)

Đánh giá, cho điểm. Giáo viên đánh giá, cho điểm dựa vào những yêu cầu sau:

a. Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu : 0,5 điểm

b. Đọc đúng tiếng, đúng từ, trôi chảy, lưu loát: 1 điểm

(Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai 5 tiếng trở lên: 0 điểm)

c. Ngắt nghỉ hơi ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 0,5 điểm

(Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 – 3 chỗ: 0,25 điểm; ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên: 0 điểm)

d. Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

(Trả lời chưa đầy đủ hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: 0,5 điểm; trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm)

* Lưu ý: Đối với những bài tập đọc thuộc thể thơ có yêu cầu học thuộc lòng, giáo viên cho học sinh đọc thuộc lòng theo yêu cầu.

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt: (6 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1	B	0,5
Câu 2	A	0,5
Câu 3	C/D	1
Câu 5	B	1
Câu 6	C	1

Câu 4: HS viết được 1 trong các ý sau được 1 điểm

- Không nên bỏ mặc bạn bè

- Cần/ phải giúp đỡ bạn bè khi gặp khó khăn

Câu 7: (1 điểm) Đặt được câu có sử dụng biện pháp so sánh nói về Vịt con

- Vịt con như một người bạn tốt

- Vịt con bơi giỏi như một vận động viên

-

II. Kiểm tra viết (10 điểm)

1. Viết : Nghe - viết (4đ)

- Tốc độ đạt yêu cầu: 1đ

- Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ: 1đ

- Viết đúng chính tả (mắc 4 lỗi trừ 1đ. Các lỗi giống nhau chỉ trừ điểm 1 lần)

- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1đ

2. Viết đoạn (6đ)

- HS viết được đoạn văn tả ngôi nhà của em đảm bảo nội dung, số câu theo yêu cầu. Dùng từ và viết câu đúng ngữ pháp, không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ . (4 điểm)
- Chữ viết đẹp, đúng chính tả: 0,5 điểm.
- Dùng từ đặt câu đúng và hay: 0,5 điểm.
- Bài làm sáng tạo, biết dùng từ ngữ gợi tả, biểu cảm; biết sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa để tả ngôi nhà: 1 điểm.
- Chữ xấu, khó đọc, trình bày bản câu thả trừ 0,25 đến 1 đ.